

1102 Series — LOẠI CÀNG KIỂU B

Kéo NBR Wheel (Mill Raw) Đường kính bánh xe × Chiều rộng bánh xe 100 x 37mm

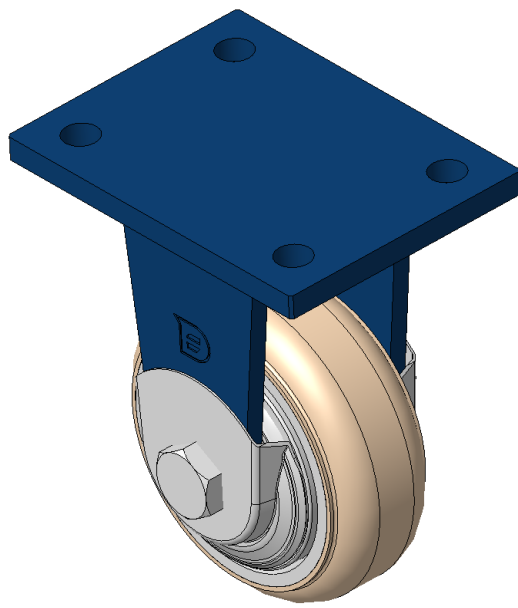
EAN

KS-11020400041081

Bánh xe cố định với khung thép hàn  
Hoàn thiện sơn màu xanh, lắp đế, khoảng cách lỗ 90x60  
Lõi gang, mặt lớp cao su đàn hồi cao chất lượng cao, được phay màu tự nhiên  
Vòng bi bánh xe—vòng bi chính xác với nắp bánh xe chống quăn đặc biệt

Bề mặt bánh xe: Được làm bằng cao su chất lượng cao, có độ đàn hồi cao  
Lõi bánh xe: lõi sắt/lõi gang

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

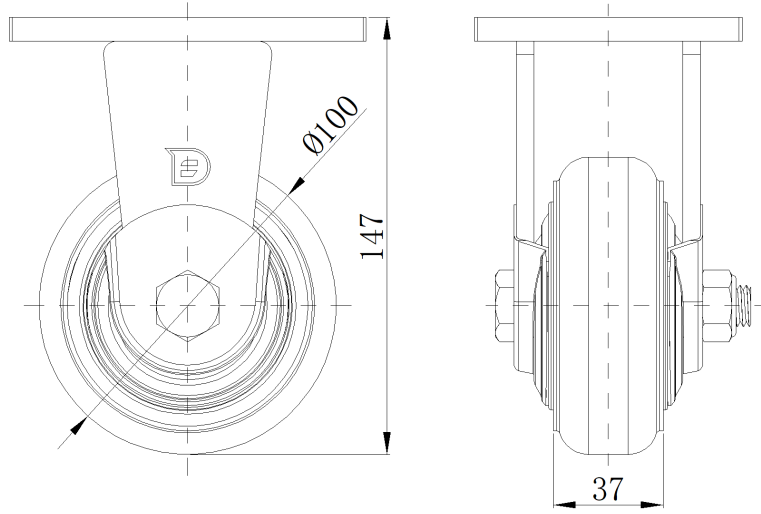
Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> để quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 100mm                       |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 37mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe trang bị vòng bi bi |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 120 x 90mm                  |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 90 x 60mm                   |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 12mm                        |
| Tổng chiều cao                                                            | 147mm                       |
| Độ cứng                                                                   | 85±5° Shore A               |
| Tải trọng (động)                                                          | 200kgs                      |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 300kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -20°C to +80°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Cố định                     |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đầy                                                   | 2.25kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

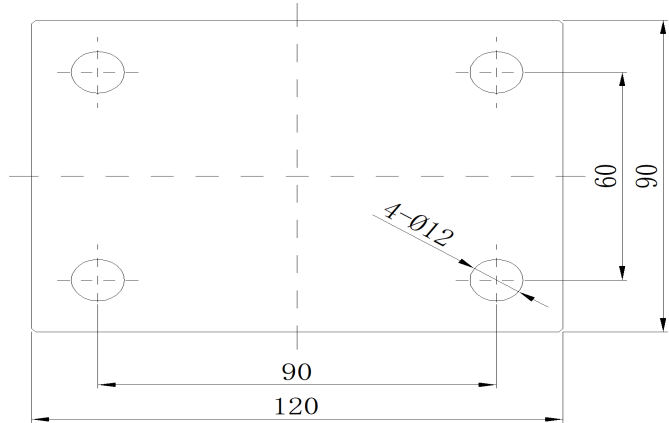
Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ○ ○ |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ● ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ● ○ |

Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đầy



Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét